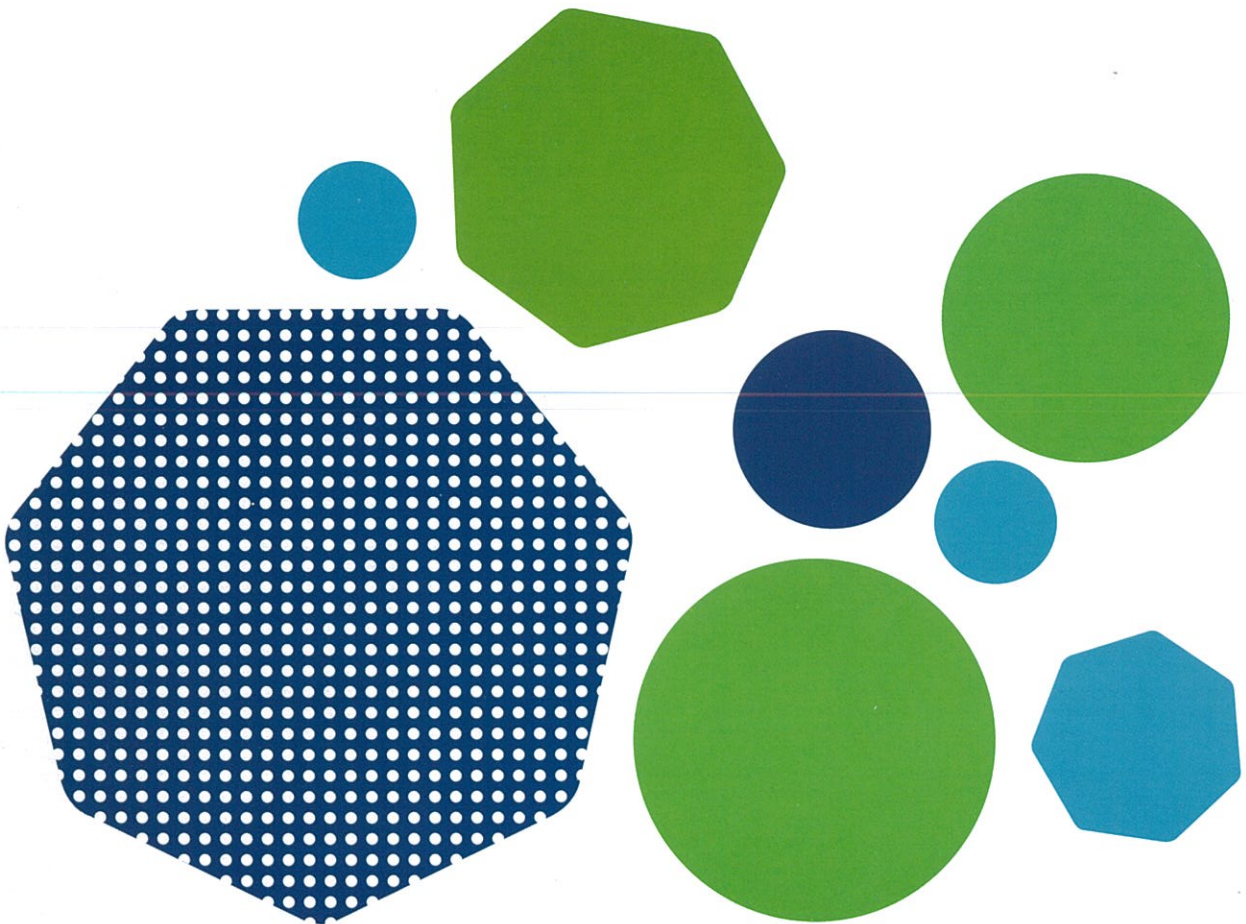


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/07/2022
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	
Ông Phạm Nguyễn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/9/2022
Ông Phạm Nguyễn Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng	

Ban kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Phạm Văn Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cụ thể: Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng".

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành, 



Vũ Hải Vĩnh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0798- 2023- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Trần Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4051- 2022- 112- 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.519.391.802	230.022.410.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	85.284.289.013	64.701.227.859
Tiền	111		25.684.289.013	11.501.227.859
Các khoản tương đương tiền	112		59.600.000.000	53.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.060.396.182	144.253.819.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	152.639.107.639	103.982.863.002
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	14	8.002.390.123	26.281.743.947
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4.820.000.000	6.020.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.528.235.955	21.898.550.163
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.929.337.535)	(13.929.337.535)
Hàng tồn kho	140	9	16.618.163.355	16.700.810.581
Hàng tồn kho	141		16.618.163.355	16.700.810.581
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.556.543.252	4.366.552.761
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.158.074	157.631.941
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.474.254.675	4.163.790.317
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	45.130.503	45.130.503
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		308.287.329.996	304.103.537.508
Các khoản phải thu dài hạn	210		96.245.200	96.245.200
Phải thu dài hạn khác	216	7	96.245.200	96.245.200
Tài sản cố định	220		45.984.057.225	47.110.802.517
Tài sản cố định hữu hình	221	10	28.214.917.225	29.341.662.517
- Nguyên giá	222		58.259.312.659	58.259.312.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.044.395.434)	(28.917.650.142)
Tài sản cố định vô hình	227	11	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	5.408.703.214	5.388.703.214
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.408.703.214	5.388.703.214
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	256.679.974.255	251.322.801.551
Đầu tư vào công ty con	251		299.518.746.692	299.518.746.692
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78.969.568.728	78.969.568.728
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(121.808.341.165)	(127.165.513.869)
Tài sản dài hạn khác	260		118.350.102	184.985.026
Chi phí trả trước dài hạn	261		118.350.102	184.985.026
TỔNG TÀI SẢN	270		588.806.721.798	534.125.948.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		119.797.317.723	71.298.473.565
Nợ ngắn hạn	310		119.222.317.723	70.723.473.565
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	104.775.003.093	38.836.141.482
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		612.440.372	8.838.775.345
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	263.410.548	195.325.254
Phải trả người lao động	314		4.109.735.856	3.444.961.980
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	277.110.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		813.030.000	425.547.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.641.505.082	8.698.019.232
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	10.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.192.772	7.592.772
Nợ dài hạn	330		575.000.000	575.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16	575.000.000	575.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		469.009.404.075	462.827.474.721
Vốn chủ sở hữu	410	17	469.009.404.075	462.827.474.721
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.670.192.717)	(13.852.122.071)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.852.122.071)	(18.195.697.740)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.181.929.354	4.343.575.669
TỔNG NGUỒN VỐN	440		588.806.721.798	534.125.948.286

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Trung Dũng



Vũ Hải Vĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	215.145.761.677	156.161.324.087
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	116.043.138	34.976.363
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		215.029.718.539	156.126.347.724
Giá vốn hàng bán	11	20	202.368.692.810	148.441.556.742
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.661.025.729	7.684.790.982
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	13.305.301.295	18.125.427.049
Chi phí tài chính	22	22	(4.904.324.168)	(2.464.888.620)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		396.090.569	66.421.918
Chi phí bán hàng	25	23	464.322.217	387.848.681
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	24.236.542.036	23.583.580.923
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.169.786.939	4.303.677.047
Thu nhập khác	31		35.792.415	100.136.501
Chi phí khác	32		23.650.000	60.237.879
Lợi nhuận khác	40		12.142.415	39.898.622
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.181.929.354	4.343.575.669
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.181.929.354	4.343.575.669

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		176.465.203.155	191.329.968.426
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(135.968.224.247)	(205.222.429.816)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(12.512.158.012)	(10.251.511.888)
Tiền lãi vay đã trả	4		(396.090.569)	(66.421.918)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.720.560.101	3.748.557.576
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(17.652.239.516)	(7.644.686.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.657.050.912	(28.106.524.044)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(211.869.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.200.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.889.716.639	17.001.175.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.089.716.639	1.789.306.153
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		11.601.749.873	22.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.601.749.873)	(12.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(165.800.000)	(157.303.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.165.800.000)	9.842.696.150
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.580.967.551	(16.474.521.741)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	64.701.227.859	81.178.659.385
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.093.603	(2.909.785)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	85.284.289.013	64.701.227.859

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Tổng Giám đốc

Vũ Hải Vĩnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lại số: 0100103351) ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 6 ngày 21/7/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 79 người (tại 31/12/2021 là 77 người)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ
VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*Mẫu số B09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
I Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
3	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
4	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
5	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	70,97%
6	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
II Công ty liên doanh, liên kết				
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông Việt Nam	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, Thương mại và dịch vụ	49%
6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất	41,74%

0100
TỔNG
CỔ
PHẦN
VIỆT
NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

351 - C
CÔNG TY
TIN HỌC
VIỆT NAM
T.P. HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

0106
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN TỬ VÀ
TIN HỌC
VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, hoạt động của của Tổng Công ty chủ yếu là cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án và phần lớn hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác ngoài ung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án cũng như ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty đều chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Tổng Công ty quyết định không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	166.870.312	182.855.565
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.517.418.701	11.318.372.294
Các khoản tương đương tiền (*)	59.600.000.000	53.200.000.000
	85.284.289.013	64.701.227.859

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	299.518.746.692	(91.769.018.527)	299.518.746.692	(107.899.549.312)
+ Công ty CP Điện tử Thủ Đức	75.462.731.429	(27.199.730.732)	75.462.731.429	(28.058.396.929)
+ Công ty CP Điện tử Bình Hoà	15.198.723.728	-	15.198.723.728	-
+ Công ty CP Viettronics Tân Bình	133.226.370.342	(33.401.970.342)	133.226.370.342	(49.373.874.342)
+ Công ty CP Điện tử Biên Hoà	35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
+ Công ty CP Công trình Viettronics	13.000.000.000	(4.390.777.399)	13.000.000.000	(4.009.809.311)
+ Công ty CP Viettronics Công Nghiệp	27.557.000.000	(26.776.540.054)	27.557.000.000	(26.457.468.730)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	78.969.568.728	(30.039.322.638)	78.969.568.728	(19.265.964.557)
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông Việt Nam	21.684.417.517	-	21.684.417.517	-
+ Công ty Cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
+ Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	-	895.348.195	-
+ Công ty TNHH DM Vina	38.846.960.416	(28.762.727.501)	38.846.960.416	(17.989.369.420)
	378.488.315.420	(121.808.341.165)	378.488.315.420	(127.165.513.869)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	152.639.107.639	(6.615.575.311)	103.982.863.002	(6.615.575.311)
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	23.376.666.534	-	23.926.666.534	-
- Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	6.485.057.587	-	896.346.697	-
- Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa	1.802.921.445	-	7.659.703.247	-
- Tổng Công ty Sông Đà	10.349.075.976	-	11.349.075.976	-
- Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	21.760.293.600	-	6.722.640.000	-
- Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	22.513.690.713	-	23.013.690.713	-
- Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	1.550.280.380	-	6.972.961.710	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
Công ty TNHH PROMEDTECH Việt Nam	6.968.997.000	-	-	-
Công ty Lưới điện cao thế thành phố Hà Nội	-	-	7.650.630.900	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	49.379.885.884	(3.815.575.311)	12.991.147.225	(3.815.575.311)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	23.673.705	-	23.673.705	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	23.673.705	-	23.673.705	-
	152.639.107.639	(6.615.575.311)	103.982.863.002	(6.615.575.311)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	23.528.235.955	(2.459.411.224)	21.898.550.163	(2.459.411.224)
- Tạm ứng	7.273.030.689	-	3.040.210.119	-
- Các khoản phải thu khác	16.255.205.266	(2.459.411.224)	18.858.340.044	(2.459.411.224)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	654.960.000	-	3.327.480.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.719.427.889	-	1.719.427.889	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	787.986.252	(351.413.651)	718.601.030	(351.413.651)
Dài hạn	96.245.200	-	96.245.200	-
- Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
- Trung tâm dịch vụ Thuận - Trường CĐ nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
	23.624.481.155	(2.459.411.224)	21.994.795.363	(2.459.411.224)
Phải thu khác là các bên liên quan	10.664.991.441	-	13.337.511.441	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	654.960.000	-	3.327.480.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.719.427.889	-	1.719.427.889	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	13.929.337.535	-	13.929.337.535	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.615.575.311	-	6.615.575.311	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.161.897.311	-	1.161.897.311	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	-	2.653.678.000	-
<i>Trả trước cho người bán</i>	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.459.411.224	-	2.459.411.224	-
- Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	2.107.997.573	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	-	231.346.388	-
- Công ty CP Điện tử Hải Phòng	120.067.263	-	120.067.263	-
	13.929.337.535	-	13.929.337.535	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.564.043.355	-	16.646.690.581	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
	16.618.163.355	-	16.700.810.581	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	50.560.970.188	906.936.395	6.322.355.756	469.050.320	58.259.312.659
31/12/2022	50.560.970.188	906.936.395	6.322.355.756	469.050.320	58.259.312.659
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(21.583.042.629)	(675.310.133)	(6.322.355.756)	(336.941.624)	(28.917.650.142)
- Khấu hao trong năm	(995.105.228)	(76.974.400)	-	(54.665.664)	(1.126.745.292)
31/12/2022	(22.578.147.857)	(752.284.533)	(6.322.355.756)	(391.607.288)	(30.044.395.434)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	28.977.927.559	231.626.262	-	132.108.696	29.341.662.517
31/12/2022	27.982.822.331	154.651.862	-	77.443.032	28.214.917.225

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 19.031.804.170 đồng (Tại 31/12/2021 là 11.340.760.375 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2022	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
31/12/2022	<u>17.769.140.000</u>	<u>340.090.400</u>	<u>18.109.230.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2022	-	(340.090.400)	(340.090.400)
31/12/2022	<u>-</u>	<u>(340.090.400)</u>	<u>(340.090.400)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2022	<u>17.769.140.000</u>	<u>-</u>	<u>17.769.140.000</u>
31/12/2022	<u>17.769.140.000</u>	<u>-</u>	<u>17.769.140.000</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 số tiền: 340.090.400 đồng (Tại 31/12/2021 số tiền: 340.090.400 đồng)

12. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	<u>5.408.703.214</u>	<u>5.388.703.214</u>
+ Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.786.893.636	4.766.893.636
+ Công trình tại Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578
	<u>5.408.703.214</u>	<u>5.388.703.214</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	104.775.003.093	104.775.003.093	38.836.141.482	38.836.141.482
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty TNHH thuyền thông năng lượng Thái Lê	14.944.956.877	14.944.956.877	7.470.810.270	7.470.810.270
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Phúc	2.087.445.964	2.087.445.964	7.320.027.060	7.320.027.060
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và thí nghiệm điện	1.518.980.773	1.518.980.773	6.833.502.476	6.833.502.476
- Công ty Cổ phần Kiến trúc và Môi trường	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	888.303.883	888.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883
- Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	16.091.063.662	16.091.063.662	-	-
- Công ty Cổ phần YOTEK	26.148.400.480	26.148.400.480	-	-
- GE High Voltage Switchgear (Suzhou) Co., LTD	4.037.769.747	4.037.769.747	-	-
- Công ty Cổ Phần MEDITRONIC	6.934.830.000	6.934.830.000	-	-
- Các đối tượng khác	23.598.714.075	23.598.714.075	6.598.960.161	6.598.960.161
	104.775.003.093	104.775.003.093	38.836.141.482	38.836.141.482

Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	888.303.883	888.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh
- Công ty TNHH kỹ thuật và dịch vụ HEP
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức
- Công ty Cổ phần YOTEK
- Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP
- Trả trước cho người bán khác

Trả trước cho người bán dài hạn

Trả trước cho người bán là bên liên quan

- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
8.002.390.123 (4.854.351.000)	(4.854.351.000)	26.281.743.947	(4.854.351.000)	(4.854.351.000)
4.854.351.000 (4.854.351.000)	-	4.854.351.000	-	-
2.654.050.150	-	2.654.050.150	-	-
-	-	1.806.100.000	-	-
-	-	6.561.790.000	-	-
-	-	8.085.575.570	-	-
493.988.973	-	2.319.877.227	-	-
-	-	-	-	-
8.002.390.123 (4.854.351.000)	(4.854.351.000)	26.281.743.947	(4.854.351.000)	(4.854.351.000)
-	-	1.806.100.000	-	-
-	-	1.806.100.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp					
- Thuế thu nhập cá nhân					
- Thuế nhập khẩu					
- Các loại thuế khác					
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022	VND
	-	3.072.500	2.147.500		925.000
	195.325.254	384.263.573	317.103.279		262.485.548
	-	2.739.906.070	2.739.906.070		-
	-	1.014.886.359	1.014.886.359		-
	195.325.254	4.142.128.502	4.074.043.208	263.410.548	

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp					
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022	VND
	45.130.503	-	-		45.130.503
	45.130.503	-	-	45.130.503	

VIỆN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ THUẾ
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THUẾ
10/01/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	8.641.505.082	8.698.019.232
- Kinh phí công đoàn	47.439.944	37.054.869
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.594.065.138	8.660.964.363
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>3.110.413.300</i>	<i>3.276.213.300</i>
+ <i>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
+ <i>Nộp tiền đất Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.181.251.838</i>	<i>1.082.351.063</i>
Dài hạn	575.000.000	575.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	575.000.000	575.000.000
	9.216.505.082	9.273.019.232
Phải trả khác là các bên liên quan	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.000.000.000	3.000.000.000

01033

CÔNG
PHẦN
VÀ TIN
T NAI
M-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	438.000.000.000	38.679.596.792	(18.195.697.740)	458.483.899.052
- Lãi trong năm trước	-	-	4.343.575.669	4.343.575.669
31/12/2021	438.000.000.000	38.679.596.792	(13.852.122.071)	462.827.474.721
01/01/2022	438.000.000.000	38.679.596.792	(13.852.122.071)	462.827.474.721
- Lãi trong năm nay	-	-	6.181.929.354	6.181.929.354
31/12/2022	438.000.000.000	38.679.596.792	(7.670.192.717)	469.009.404.075



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
- Các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	438.000.000.000	438.000.000.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
- Lợi nhuận đã phân phối	-	-

17.4 CÁC QUỸ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	38.679.596.792	38.679.596.792

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và lắp đặt	205.749.288.736	148.744.433.648
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.396.472.941	7.416.890.439
	215.145.761.677	156.161.324.087

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	116.043.138	34.976.363
	116.043.138	34.976.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	199.919.154.425	146.732.771.455
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.449.538.385	1.708.785.287
	202.368.692.810	148.441.556.742

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.645.600.577	1.964.446.685
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11.648.223.000	15.003.079.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.477.718	287.870.685
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	870.030.679
	13.305.301.295	18.125.427.049

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	396.090.569	66.421.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.491.416	86.367.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	46.266.551	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.357.172.704)	(2.617.678.389)
	(4.904.324.168)	(2.464.888.620)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	24.236.542.036	23.583.580.923
Chi phí nhân viên quản lý	13.215.020.022	12.852.823.997
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.071.000	34.998.589
Chi phí khấu hao	847.802.772	2.184.208.056
Thuế, phí lệ phí	7.672.500	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	120.067.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.778.478.573	2.173.775.900
Chi phí bằng tiền khác	7.375.497.169	6.213.707.117
Các khoản chi phí bán hàng	464.322.217	387.848.681
Chi phí dự thầu	203.025.626	123.545.287
Chi phí bằng tiền khác	261.296.591	264.303.394
	24.700.864.253	23.971.429.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	198.902.833.455	86.492.692.904
Chi phí nhân công	14.661.572.300	13.825.631.151
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.731.300	169.432.223
Khấu hao tài sản cố định	1.126.745.292	2.387.829.885
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.600.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.476.144.168	2.766.836.873
Chi phí bằng tiền khác	8.788.283.322	6.822.408.291
	226.986.909.837	112.467.831.327

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.181.929.354	4.343.575.669
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	11.648.223.000	15.003.079.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.648.223.000	15.003.079.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(5.466.293.646)	(10.659.503.331)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT và Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	597.729.800	564.411.435
Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đến ngày 05/03/2021	-	310.451.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 27/6/2022	189.373.132	451.182.000
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	509.259.900	470.994.000
Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	455.459.900	441.682.000
Phạm Nguyễn Anh	Thành viên HĐQT	497.359.900	474.494.000
Nguyễn Trung Dũng	kiêm Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng	490.990.000	436.730.000
Vũ Hoài Anh	Trưởng ban kiểm soát	436.959.900	446.188.000
Tổng		3.177.132.532	3.596.132.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan

	Bản chất bên liên quan	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức được chia		11.648.223.000	15.003.079.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	6.654.960.000	9.982.440.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	Công ty con	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	85.550.000	112.926.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	1.847.713.000	1.847.713.000

Số dư các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu về cho vay			
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	4.820.000.000	6.020.000.000
Phải thu về cổ tức			
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	654.960.000	3.327.480.000

26.2. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	2.216,18	2.558,46
+ EUR	725,33	532,04

26.3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vĩnh

